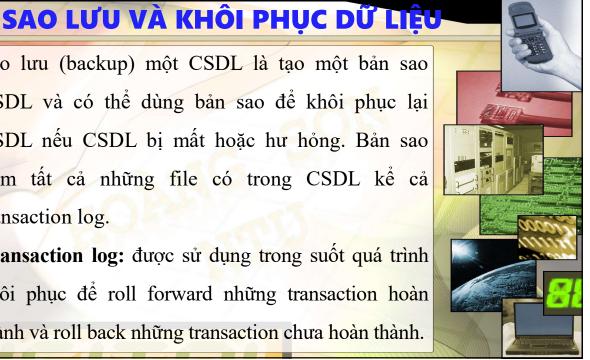


229

# Sao lưu (backup) một CSDL là tạo một bản sao CSDL và có thể dùng bản sao để khôi phục lại CSDL nếu CSDL bị mất hoặc hư hỏng. Bản sao gồm tất cả những file có trong CSDL kể cả transaction log.

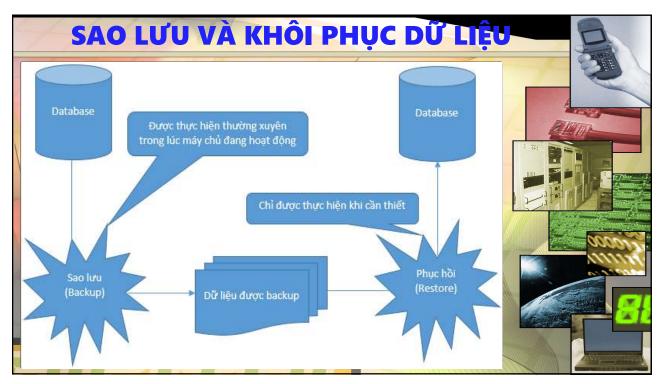
Transaction log: được sử dụng trong suốt quá trình khôi phục để roll forward những transaction hoàn thành và roll back những transaction chưa hoàn thành.



# SAO LƯU VÀ KHÔI PHỤC DỮ LIỆU

- Roll back: là hủy bỏ giao dịch chưa hoàn thành khi hệ thống xảy ra sự cố (hoặc trong trường hợp sao lưu, khi đã thực hiện xong việc sao lưu mà giao dịch chưa hoàn thành).
- Roll forward: là khôi phục tất cả giao dịch đã hoàn thành khi hệ thống xảy ra sự cố (hoặc trong trường hợp sao lưu, những giao dịch đã hoàn thành khi đã thực hiện xong việc sao lưu)
- Checkpoint: là thời điểm ghi lại tất cả những trang dữ liệu thay đổi lên đĩa.

231



#### **BACKUP**

Full backup: backup toàn bộ dữ liệu tại thời điểm đó và là backup dữ liệu đầy đủ nhất.

BACKUP DATABASE Tên\_CSDL

TO DISK = 'Đường dẫn\Tên file backup.bak';

Differential backup: backup dữ liệu mới được cập nhật kể từ lần full backup trước đó.

BACKUP DATABASE Tên\_CSDL

TO DISK = 'Đường\_dẫn\Tên\_file\_backup.bak'

WITH DIFFERENTIAL;

233

#### **BACKUP**

\*Transaction log backup: backup các log record hiện có trong log file, nghĩa là nó sao lưu các hành động (các thao tác xảy ra đối với CSDL) chứ không sao lưu dữ liệu. Đồng thời nó cũng cắt bỏ (truncate) log file, loại bỏ các log record vừa được backup ra khỏi log file.

**BACKUP LOG Tên\_CSDL** 

TO DISK = 'Dường\_dẫn\Tên\_file\_backup.trn';



## **BACKUP**

- Một nguyên tắc chung để giảm bớt lượng dữ liệu mất mát khi có sự cố là tăng tần suất backup.
- Cần kết hợp full backup, differential backup và transaction log backup để tạo lập các phương án sao lưu thích hợp, đảm bảo dữ liệu được backup thường xuyên hơn mà không chiếm nhiều tài nguyên của hệ thống.

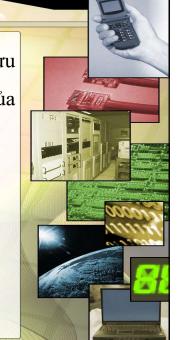


235

#### **RESTORE**

- Khôi phục là quá trình sao chép dữ liệu đã sao lưu và đưa các giao dịch được ghi lại vào dữ liệu của SQL Server.
- Cú pháp

RESTORE DATABASE | LOG Tên\_CSDL
FROM DISK = 'Đường\_dẫn\Tên\_File'
[ WITH NORECOVERY ] ;



## **RESTORE**

Ví du: Giả CSDL QLSV2019 bị hư hỏng, tiến hành khôi phục dữ liệu.

- -- Khôi dữ liệu từ full backup restore database QLSV2019 from disk = 'D:\bk\QLSV2019\_full.bak' with norecovery;
- -- Khôi phục dữ liệu từ different backup restore database QLSV2019 from disk = 'D:\bk\QLSV2019\_Diff.bak' with norecovery;
- -- Khôi phục dữ liệu từ log backup restore log QLSV2019 from disk = 'D:\bk\QLSV2019.trn';

237

#### **RESTORE**

- Để có thể thực hiện khôi phục dữ liệu từ nhiều bản backup, phải chỉ định tùy chọn WITH NORECOVERY ở các câu lệnh restore ngoại trừ câu lệnh restore cuối cùng.
- Trong trường hợp file backup có nhiều phiên bản, ta có thể sử dụng tùy chọn WITH FILE = position để chọn phiên bản.

position có thể tìm được thông qua lệnh

**RESTORE HEADERONLY** 

FROM DISK = 'Đường dẫn\Tên File';

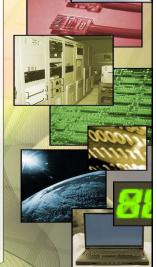




Ví dụ: Giả CSDL QLSV2019 bị hư hỏng, tiến hành khôi phục dữ liệu.

-- Khôi dữ liệu từ full backup

```
restore database QLSV2019
from disk = 'D:\bk\QLSV2019_full.bak'
with file = 3 norecovery;
```



239

#### **RESTORE**

\* Có thể thực hiện khôi phục dữ liệu tại một thời điểm backup bằng cách dùng tùy chọn STOPAT = 'thời\_gian'

Ví dụ:

restore log QLSV2019

from disk = 'D:\bk\QLSV2019.trn'

with file = 3, norecovery,

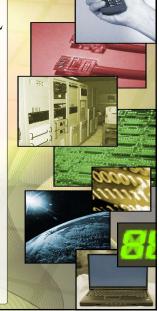
stopat = '2010-10-02 15:10:00';



#### **RESTORE**

❖ Nếu thực hiện khôi phục dữ liệu thay thế CSDL hiện tại ta sử dụng tùy chọn WITH REPLACE Ví dụ:

restore database QLSV2019
from disk = 'D:\bk\QLSV2019\_full.bak'
with replace;



241

#### **RESTORE**

Nếu thực hiện khôi phục dữ liệu và di chuyển CSDL đến nơi khác (copy CSDL), ta sử dụng tùy chọn

WITH MOVE 'file\_logic' TO 'file\_vật\_lý'

Ví dụ:

restore database QLSV2019
from disk = 'D:\bk\QLSV2019\_full.bak'
with move 'QLSV2019\_Data'
to 'D:\Data\QLSV2019.mdf',
 move 'QLSV2019\_Log'
to 'D:\Data\QLSV2019\_Log.ldf';



# **VÍ DU BACKUP & RESTORE**

- Kịch bản backup được thực hiện trên cơ sở dữ liệu QLSV2019
  - Thực hiện full backup vào lúc 3h sáng ngày chủ nhật (1 lần trong ngày)
  - Thực hiện different backup vào lúc 2h sáng ngày thứ 4 (1 lần trong ngày)
  - Thực hiện log backup vào các thời điểm 2h10′, 2h20′, 2h40′ và 2h50′ (4 lần trong một ngày sau thời điểm different backup)



243

# **VÍ DU BACKUP & RESTORE**

- Giả sử máy chủ bị hư ổ cứng vào lúc 2h55' ngày thứ 4.
  Kịch bản phục hồi và tình trạng dữ liệu sau khi khôi phục:
  - Đầu tiên, thực hiện khôi phục dữ liệu về thời điểm 3h sáng ngày chủ nhật bằng cách sử dụng bản full backup.
  - Tiếp theo, khôi phục dữ liệu về thời điểm 2h sáng thứ 4 sử dụng bản different backup.
  - Cuối cùng khôi phục dữ liệu từ các bản log backup theo thứ tự thời điểm 2h10′, 2h20′, 2h40′ và 2h50′ của ngày thứ 4 để đưa dữ liệu về thời điểm 2h50′.
- Như vậy dữ liệu chỉ được khôi phục trở lại ở thời điểm 2h50′ ngày thứ 4 và sẽ bị mất dữ liệu từ 2h51′ trở về sau.

